

Bản án số: 167/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Ngô Thị Thơm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Đài Loan.

Chị T, anh C đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày

13/3/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình nhà anh C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2011 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2014 anh C cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nhưng không ở gần nhau, vợ chồng gặp nhau được 02 lần thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân và không liên lạc, quan tâm đến nhau. Anh C không gửi tiền về lo cho con chung, không quan tâm đến vợ con, một mình chị phải lo toan cho gia đình. Hết hạn hợp đồng chị đã về Việt Nam từ tháng 9/2023 sinh sống cùng gia đình mẹ đẻ chị. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 18/02/2008, hiện nay đang do chị chăm sóc. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị.

- Về tài sản, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ của anh Phạm Văn C) trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh C như chị T trình bày là đúng. Anh C hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, anh C vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Anh C đã biết việc chị T có đơn xin ly hôn, anh C có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T và đồng ý để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung, anh C nhất trí. Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C đang đi làm ở Đài Loan, các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh C, bà sẽ nhận thay và cam kết giao lại, thông báo cho anh C được biết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn C; Giao cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Văn H, sinh ngày 18/02/2008 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận

sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn C. Anh C hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh C tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh C cung cấp địa chỉ, nhưng chị T không cung cấp được. Thông qua gia đình xác định anh C có liên lạc về gia đình, gia đình anh C không cung cấp được địa chỉ của anh C tại Đài Loan. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn C do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 13/3/2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T, anh C nhiều lần nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân 10 năm, không còn quan tâm đến nhau, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị T xác định không còn tình cảm với anh C và có đơn xin ly hôn. Thông qua gia đình, anh C xác định nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T, anh C có 01 con chung Phạm Văn H, sinh ngày 18/02/2008, hiện đang ở cùng với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu

cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có quan điểm nhất trí. Xét thấy, cháu H đang có cuộc sống ổn định cùng với chị T và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do đó, cần tiếp tục giao cháu H cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Văn C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Văn H, sinh ngày 18/02/2008 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000403 ngày 10/01/2024 (chị T đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

